

Bản án số:19/2017/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2017

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tâm

2. Ông Thân Văn Nhau

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Khôi – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 21/2017/QĐ-ST ngày 15/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang V Sinh năm: 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Khu A, thị trấn N, huyện VY, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang cư trú tại: CHLB Đức.

Anh V ủy quyền cho bà C, sinh năm 1947;

Địa chỉ: đường NC, phường NQ, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh, giấy ủy quyền có xác nhận của UBND thị trấn N.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị H Sinh năm: 1985 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Sinh quán: xã QM, huyện VY, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang cư trú tại: CHLB Đức.

Chị H ủy quyền cho ông T, sinh năm 1958; địa chỉ: thôn K, xã QM, huyện VY, tỉnh Bắc Giang nhận và nộp các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị, giấy ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai anh Nguyễn Quang V là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2006 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn anh vẫn ở Việt Nam làm việc còn Chị H sang Đức làm ăn và sinh sống. Đến năm 2010 anh sang Đức đoàn tụ cùng chị H, vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận. Năm 2014 anh phát hiện Chị H có người khác nên vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên anh đã ra ngoài ở riêng, sống ly thân nhau từ đầu năm 2014. Từ đó ai có cuộc sống riêng của người đó, không ai chủ động liên lạc để hỏi thăm tình hình sức khỏe và cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn Chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Lilly Quỳnh A, sinh ngày 15/10/2012 và cháu Đặng Lilly Quỳnh T, sinh ngày 24/8/2009. Hiện nay hai cháu đang ở cùng Chị H. Anh đề nghị giao hai con chung cho Chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị H là bị đơn trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2006 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn Anh V vẫn ở Việt Nam làm việc còn chị sang Đức làm ăn và sinh sống. Đến năm 2010 Anh V sang Đức đoàn tụ cùng chị, vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận. Năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị vẫn còn tình cảm với người yêu cũ. Cùng thời gian đó Anh V đã ra ngoài ở riêng nên hai vợ chồng sống ly thân nhau. Từ đó đến nay ai có cuộc sống riêng của người đó, không ai chủ động liên lạc để hỏi thăm tình hình sức khỏe và cuộc sống của nhau. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nên Anh V có đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị giải quyết cho Anh V được ly hôn chị. Chị đồng ý để Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết vụ án. Chị đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Anh V xử cho Anh V và chị được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Đặng Lilly Quỳnh A, sinh ngày 15/10/2012 và cháu Đặng Lilly Quỳnh T, sinh ngày 24/8/2009. Hiện nay hai cháu đang ở cùng chị. Chị đề nghị giao hai con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà Anh V, Chị H đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các bản tự khai của Anh V, Chị H có trong hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh V, Chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Anh V, Chị H.

[2]. Về thẩm quyền: Anh V, Chị H đều sinh quán tại huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay cả hai hiện đều sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đức. Như vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh V, Chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang. Số giấy chứng nhận kết hôn số 67, quyển số 01, ngày 17/8/2006. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của anh V với chị H: Anh V, Chị H đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Hai bên vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Anh V, Chị H đều thống nhất ly hôn nhau. Vì vậy cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho Anh V, Chị H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Anh V, Chị H có hai con chung là cháu Đặng Lilly Quỳnh A, sinh ngày 15/10/2012 và cháu Đặng Lilly Quỳnh T, sinh ngày 24/8/2009. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng Chị H. Anh V, Chị H đều thống nhất giao hai con chung cho Chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên. Mặt khác cháu Đặng Lilly Quỳnh T cũng có bản tự khai thể hiện cháu muốn sinh sống cùng mẹ (bản tự khai có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức). Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp

nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự và ý kiến của chấy Đặng Lilly Quỳnh T là phù hợp với các quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Anh V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nhưng Anh V được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Quang V được ly hôn chị Trần Thị H.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung là chấy Đặng Lilly Quỳnh A, sinh ngày 15/10/2012 và chấy Đặng Lilly Quỳnh T, sinh ngày 24/8/2009 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh V không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu.

3. *Về án phí:* Anh V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000096 ngày 26/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận Anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh V, Chị H hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TT Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thân Quốc Hùng